

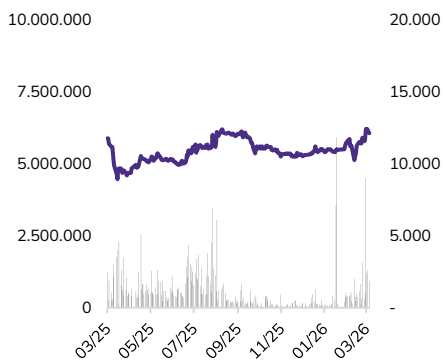
Lê Thị Kim Huê

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành : Điện
 Ngày báo cáo : 06/04/2026
 Giá hiện tại (VND/CP) : 11.850
 Vốn hóa (Tỷ VND) : 2.116
 SLCPLH (CP) : 178.559.087

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	9,9%	10,0%
Tăng trưởng LNST (%)	169,4%	8,2%
Biên LNG (%)	52,5%	48,3%
Biên LNST (%)	23,7%	23,3%
ROA (%)	0,9%	1,0%
ROE (%)	1,8%	1,8%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,86	0,66
EPS (VND/CP)	190	154
BVPS (VND/CP)	12.811	13.247

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Triển vọng năm 2026 tiếp tục ổn định

- **GD trước 2022 – tích lũy nền tảng, bứt phá nhờ vận hành các nhà máy điện và đạt đỉnh chu kỳ vào năm 2022:**
 - ✓ Giai đoạn trước 2022, KQKD của TTA chuyển biến rõ rệt từ nền thấp sang tăng trưởng mạnh khi các dự án điện lần lượt đi vào vận hành. Trước năm 2020, doanh nghiệp vẫn trong pha đầu tư với quy mô doanh thu và lợi nhuận còn hạn chế do chi phí xây dựng lớn và nhiều nhà máy chưa khai thác đủ công suất. Từ 2020–2021, khi các tài sản điện bắt đầu vận hành ổn định, doanh thu tăng nhanh và biên lợi nhuận cải thiện nhờ đặc thù chi phí cố định cao của ngành điện.
 - ✓ Đến năm 2022, KQKD đạt đỉnh khi doanh thu và lợi nhuận tăng mạnh với doanh thu thuần (DTT) đạt 809 tỷ đồng (+22,3% svck) – mức doanh thu cao nhất trong vòng 10 năm qua, lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 205 tỷ đồng (+53,7% svck), biên lợi nhuận gộp đạt 61,9%. KQKD khả quan trên là do: i) Sản lượng tiêu thụ điện tăng do phục hồi sau covid; ii) Điều kiện thủy văn thuận lợi nhờ hiện tượng La Nina; iii) Nguồn cung các mặt hàng khác như than, khí bị gián đoạn do khủng hoảng năng lượng, chiến tranh Nga – Ukraine, đẩy giá các mặt hàng này tăng cao nên thủy điện cũng được ưu tiên huy động.
- **GD 2023-2025, KQKD tăng giảm phụ thuộc vào chu kỳ thời tiết, chi phí lãi vay giảm dần:**
 - ✓ Năm 2023, do tình hình thủy văn không thuận lợi khi bị ảnh hưởng bởi pha thời tiết El Nino, KQKD của TTA cũng như các DN thủy điện khác đều sụt giảm mạnh. DTT đạt 655 tỷ đồng (-18,9% svck), LNST đạt 101 tỷ đồng (-50,5% svck). Biên lợi nhuận gộp cũng sụt giảm đáng kể về 56,1%.
 - ✓ Năm 2024, KQKD tăng trưởng khả quan với DTT đạt 734 tỷ đồng (+12% svck), lợi nhuận gộp (LNG) đạt 424 tỷ đồng (+15,1% svck), biên LNG cải thiện lên 57,7%, LNST đạt 232 tỷ đồng (+128,2% svck).
 - ✓ KQKD khả quan trên là do: i) Mảng thủy điện tích cực do điều kiện thủy văn thuận lợi nhờ hiện tượng La Nina, sản lượng nước về các hồ ở Miền Bắc dồi dào với lượng mưa tăng mạnh; ii) Mảng điện mặt trời và điện gió duy trì ổn định, trong đó mảng điện mặt trời được hỗ trợ bởi năm 2024 là năm có lượng bức xạ nhiệt mặt trời và thời gian chiếu sáng bình quân ở mức cao, còn điện gió duy trì ổn định do tốc độ gió và sức gió năm 2024 ổn định.

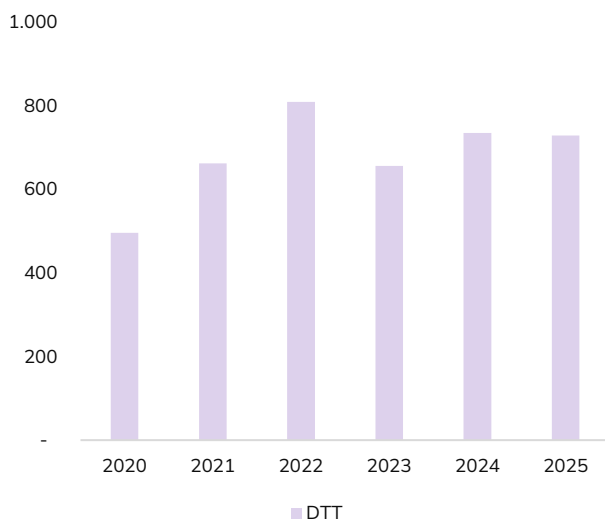
- ✓ **Năm 2025 - KQKD duy trì xu hướng ổn định với tăng trưởng ở mức vừa phải**, phản ánh trạng thái cân bằng sau giai đoạn biến động mạnh, trong bối cảnh không có đột biến lớn về công suất mới. DTT đạt 728 tỷ đồng (-0,8% svck), LNG đạt 408 tỷ đồng (-3,6% svck), biên LNG giảm nhẹ về 56,1% (-1,6 điểm % svck). Chi phí QLDN tăng nhẹ +4% svck lên 27 tỷ đồng. Doanh thu tài chính đạt 1,1 tỷ đồng (+322,5% svck), chủ yếu do lãi tiền gửi và tiền cho vay tăng, trong khi đó chi phí tài chính giảm -9,4% svck về còn 129 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí lãi vay giảm về 128 tỷ đồng (-12,2% svck) khi nợ vay giảm xuống. Ngoài ra, hoạt động khác lỗ 4,4 tỷ đồng (-31,9% svck). Kết quả, **LNST đạt 231,6 tỷ đồng, tương đương con số của năm 2024, hoàn thành 128,7% kế hoạch LNST năm 2025.**
- ✓ Đáng chú ý, do nợ vay cao nên chi phí lãi của doanh nghiệp luôn ở mức cao, chiếm trung bình 61,8% EBIT trong giai đoạn 2021-2023, từ đó bào mòn phần lớn KQKD từ hoạt động cốt lõi. Tuy vậy, nhờ quy mô nợ vay đang giảm xuống đáng kể, tỷ trọng Chi phí lãi vay/EBIT đã giảm đi nhiều từ năm 2023 đến nay, chỉ còn 34% trong năm 2025.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 & 2025 CỦA TTA

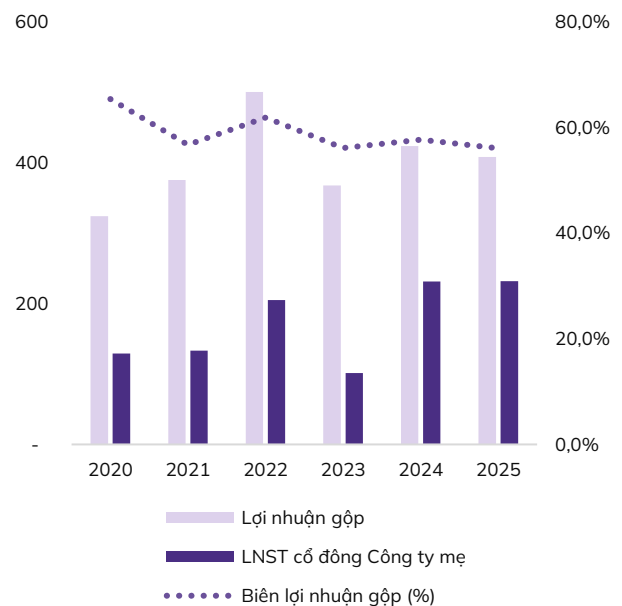
Chỉ tiêu	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	169	186	10,0%	734	728	-0,8%
Lợi nhuận gộp	89	90	1,3%	424	408	-3,6%
Biên LN gộp	52,5%	48,3%		57,7%	56,1%	
Chi phí BH & QLDN	(8)	(9)	14,9%	(26)	(27)	4,0%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	4,9%	5,1%		3,5%	3,7%	
Doanh thu tài chính	0,2	0,6	161,8%	0,3	1,1	322,5%
Chi phí tài chính	(32)	(33)	4,7%	(143)	(129)	-9,4%
Chi phí lãi vay	(35)	(32)	-8,5%	(146)	(128)	-12,2%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	49	48	-2,4%	255	253	-0,8%
Lợi nhuận trước thuế	46	47	1,6%	249	249	0,0%
LNST sau lợi ích CĐ thiểu số	40	43	8,2%	232	232	0,0%
Biên LN ròng	23,7%	23,3%		31,5%	31,8%	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Quy mô DTT của TTA 2020-2025 (tỷ đồng)

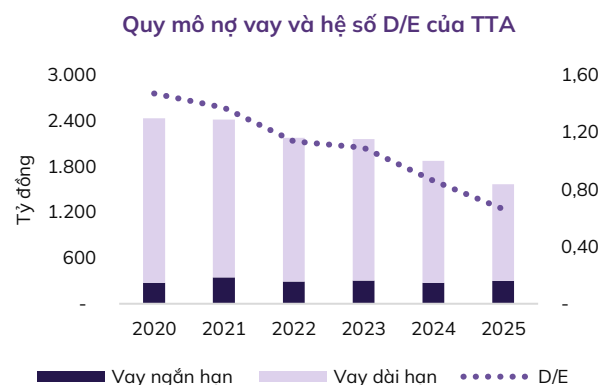
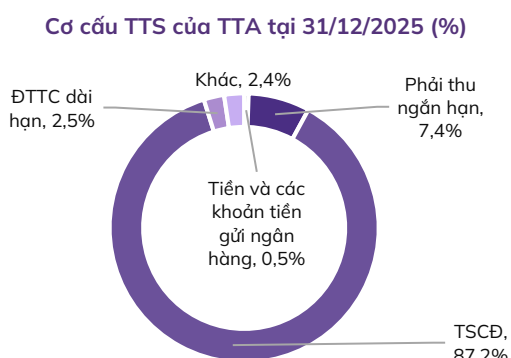


Quy mô lợi nhuận của TTA (tỷ đồng)



Nguồn: TTA, FiinPro, ABS Research

- **Tình hình tài chính - nợ vay đã giảm về ngưỡng an toàn hơn:**
- ✓ **TSCĐ chiếm tỷ trọng chủ đạo trong cơ cấu TTS của TTA.** Tại 31/12/2025, TSCĐ có giá trị 3.620 tỷ đồng (-5,2% so với đầu năm) và chiếm 87,2% cơ cấu TTS. Đây cũng là đặc thù chung của các DN phát điện, phản ánh mô hình kinh doanh thâm dụng vốn của TTA, với tài sản tập trung chủ yếu vào các nhà máy điện đã đi vào vận hành. Việc TSCĐ giảm nhẹ so với đầu năm chủ yếu đến từ khấu hao tài sản, cho thấy phần lớn dự án đang trong giai đoạn khai thác ổn định và chưa có nhiều tài sản mới được ghi nhận.
- ✓ **Khoản phải thu tăng mạnh so với đầu năm.** Giá trị khoản phải thu tại 31/12/2025 là 307 tỷ đồng (+25,5% so với đầu năm) và chiếm 7,4% cơ cấu TTS. Trong đó, có 41,2 tỷ đồng là khoản phải thu của TCT điện lực Miền Bắc và 237,7 tỷ đồng từ Công ty Mua bán điện EVN. Đây là đặc thù phổ biến của các doanh nghiệp phát điện. Tuy nhiên, việc khoản phải thu tăng mạnh cũng phản ánh chu kỳ thu tiền kéo dài, khiến dòng tiền vận hành chưa thực sự cải thiện tương ứng với tăng trưởng doanh thu. Điều này có thể tạo áp lực nhất định lên nhu cầu vốn lưu động, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp vẫn duy trì mức đòn bẩy tài chính cao.
- ✓ **Đầu tư tài chính dài hạn chiếm 2,5% cơ cấu TTS.** Đây là khoản đầu tư vào Công ty liên kết (CTCP Phong điện Phương Mai) trị giá 115,5 tỷ đồng và đến thời điểm cuối năm Công ty đã trích lập dự phòng 14,8 tỷ đồng cho khoản đầu tư này.
- ✓ **Chi phí XDCB dở dang tăng mạnh.** Tại 31/12/2025, khoản mục này của TTA trị giá 88,8 tỷ đồng (+61,1% so với đầu năm). Quy mô khoản này đang tăng lên mạnh, chủ yếu tập trung ở Dự án Thủy điện tích năng Phước Hòa 75,8 tỷ đồng (+56,3% so với đầu năm). Điều này cho thấy TTA đang đẩy mạnh giai đoạn chuẩn bị đầu tư đối với dự án Phước Hòa, qua đó từng bước hiện thực hóa định hướng mở rộng sang lĩnh vực năng lượng tích trữ. Tuy nhiên, với đặc thù là dự án quy mô lớn, thời gian triển khai kéo dài, khoản chi phí XDCB dở dang gia tăng hiện tại chưa tạo ra dòng tiền và lợi nhuận trong ngắn hạn, đồng thời có thể kéo theo nhu cầu vốn lớn hơn trong các giai đoạn tiếp theo.
- ✓ **Tiếp tục giảm nợ vay về ngưỡng an toàn hơn.** Tại 31/12/2025, tổng nợ vay của TTA là 1.566 tỷ đồng (-16,4% so với đầu năm), trong đó nợ vay ngắn hạn là 298 tỷ đồng (+8,8% so với đầu năm) và nợ vay dài hạn là 1.268 tỷ đồng (-20,7% so với đầu năm). Hệ số D/E đã giảm về ngưỡng an toàn hơn là 0,66 lần, giảm nhẹ so với mức 0,86 lần của năm 2024. Hệ số D/E đã cho thấy sự cải thiện trong 6 năm qua khi giảm từ 1,47 lần về mức hiện tại. Diễn biến này cho thấy TTA đang tích cực tái cơ cấu danh mục nợ theo hướng an toàn hơn, với trọng tâm là giảm dư nợ dài hạn nhằm hạ áp lực chi phí lãi vay trong trung và dài hạn. Dù tổng dư nợ đã giảm, rủi ro thanh khoản vẫn cần được theo dõi, nhất là khi doanh nghiệp đồng thời triển khai các kế hoạch đầu tư mới.
- ✓ **Lượng tiền khất ít đi.** Tại 31/12/2025, TTA có 22 tỷ đồng tiền mặt (-20,6% so với đầu năm). Trên thực tế, KQKD của TTA vẫn duy trì ổn định, tuy nhiên dòng tiền tạo ra đã được ưu tiên để trả nợ vay, khiến quy mô tiền mặt cuối kỳ thu hẹp. Tỷ số khả năng thanh toán tiền mặt ở mức rất thấp 0,06 lần, sẽ khiến công ty bị động trong các hoạt động kinh doanh và tăng rủi ro thanh toán của công ty.



Nguồn: TTA, FiinPro, ABS Research

- **Triển vọng và Dự báo:**

Chúng tôi đánh giá triển vọng năm 2026 của TTA sẽ tiếp tục ổn định dựa trên các yếu tố sau:

- ✓ **Nhu cầu điện được dự báo tăng xuất phát từ động lực tăng trưởng kinh tế.** Quốc hội mới đây cũng đã thông qua mục tiêu GDP năm 2026 là trên 10%. Trong dài hạn, Chính phủ quyết tâm tăng trưởng hai con số. Quy hoạch điện VIII điều chỉnh được phê duyệt vào 15/04/2025 cũng nêu rõ mục tiêu GDP bình quân là 10%/năm trong giai đoạn 2026-2030 và 7,5% cho giai đoạn 2031-2050. Kinh tế dự báo tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2026 sẽ làm tăng nhu cầu sử dụng điện năng, ước tính cứ 1% tăng GDP sẽ khiến nhu cầu tiêu thụ điện tăng 1,3-1,5%.
- ✓ **Điều kiện thủy văn thuận lợi hỗ trợ mảng thủy điện.** Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, trạng thái ENSO trung tính trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 5/2026 có xác suất khoảng 75-85%. Từ nửa cuối năm, khả năng xuất hiện El Nino bắt đầu gia tăng, với xác suất khoảng 55-65% nhưng nhiều khả năng đây chỉ là El Nino yếu đến trung bình. Do đó, chúng tôi cho rằng điều kiện thủy văn sẽ tiếp tục giúp các nhà máy thủy điện ổn định sản lượng trong năm 2026.
- ✓ **Mảng điện NLTT (điện gió, điện mặt trời) dự báo sẽ tiếp tục đóng góp ổn định trong năm 2026.** Về dài hạn, điện NLTT đang được ưu tiên phát triển (theo QH điện VIII điều chỉnh). Trong ngắn hạn, tình hình chiến sự tại Trung Đông giữa Mỹ - Iran đã đẩy giá dầu tăng cao và đứt gãy chuỗi cung ứng dầu khí khi eo biển Homuz bị đóng cửa. Nếu chiến sự kéo dài, thị trường xăng dầu Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng sâu rộng, từ đó ảnh hưởng tới khả năng cung ứng khí cho các nhà máy điện khí (xét trên bình diện nguồn cung và giá cả đầu vào bị đẩy lên cao). Bên cạnh đó, giá các mặt hàng năng lượng khác như than cũng tăng theo khi thị trường năng lượng toàn cầu biến động. Do đó, với lợi thế không phụ thuộc giá nhiên liệu đầu vào, và chi phí sản xuất thấp, thủy điện & điện NLTT sẽ được tăng cường huy động, thúc đẩy sản lượng tiêu thụ của thủy điện và điện NLTT.
- ✓ **Áp lực chi phí tài chính giảm dần nhờ hạ đòn bẩy.** TTA đã giảm mạnh nợ vay trong các năm qua và chúng tôi kỳ vọng rằng, với dòng tiền tích cực hàng năm từ hoạt động kinh doanh, xu hướng này sẽ tiếp tục trong thời gian tới, từ đó giúp giảm chi phí tài chính, cải thiện lợi nhuận cho DN.
- ✓ **Câu chuyện dài hạn từ Thủy điện tích năng Phước Hòa.** Dự án Thủy điện tích năng Phước Hòa được kỳ vọng trở thành trụ cột tăng trưởng dài hạn của TTA, trong bối cảnh hệ thống điện Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển dịch mạnh sang NLTT. Việc TTA sớm tham gia phát triển dự án tích năng cho thấy định hướng chiến lược đi trước xu hướng, tạo nền tảng để doanh nghiệp đón đầu nhu cầu điều tiết phụ tải trong tương lai. Khi đi vào vận hành, dự án không chỉ mang lại nguồn doanh thu mới mà còn có thể hưởng lợi từ các cơ chế giá điện đặc thù như dịch vụ phụ trợ, chênh lệch giá điện giờ cao – thấp điểm, vốn có biên lợi nhuận tiềm năng cao hơn so với mô hình thủy điện truyền thống. Tuy nhiên, dự án vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, với thời gian triển khai dài và nhu cầu vốn lớn, do đó chưa đóng góp vào KQKD trong ngắn và trung hạn. Đồng thời, hiệu quả tài chính của dự án sẽ phụ thuộc đáng kể vào khung pháp lý và cơ chế giá điện cho thủy điện tích năng, vốn vẫn đang trong quá trình hoàn thiện tại Việt Nam.
- ✓ ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của TTA dự kiến đạt 240,8 tỷ đồng (+4% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 1.349 đ/cp & 14.596 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 8,75 và 0,81 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F dự kiến đạt 9,2%.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA TTA

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	809	655	734	728
Giá vốn hàng bán	-308	-288	-311	-320
Lợi nhuận gộp	500	368	424	408
Doanh thu tài chính	0	0	0	1
Chi phí tài chính	-240	-223	-143	-129
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí QLDN	-21	-20	-26	-27
Lợi nhuận từ HĐKD	240	125	255	253
Lãi/Lỗ khác	-20	-12	-7	-4
Lợi nhuận trước thuế	220	113	249	249
Lợi nhuận sau thuế	205	101	232	232
LNST cổ đông Công ty mẹ	205	101	232	232

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	309	2	355	236
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-13	0	-12	-31
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-237	-81	-319	-211
LCT thuần trong kỳ	59	-79	24	-6
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	24	83	4	28
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	83	4	28	22

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	0,50	0,48	0,79	0,84
Khả năng thanh toán nhanh	0,50	0,48	0,78	0,84
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,20	0,01	0,08	0,06
Khả năng thanh toán lãi vay	2,15	1,53	2,70	2,94

Cơ cấu vốn	2022	2023	2024	2025
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,42	0,45	0,51	0,57
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,58	0,55	0,49	0,43
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	1,14	1,09	0,86	0,66

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2022	2023	2024	2025
Số ngày phải thu	28,9	43,2	49,0	97,5
Số ngày phải trả	7,9	5,3	5,4	4,9
Số ngày tồn kho	0,0	0,0	0,0	0,0

Khả năng sinh lời	2022	2023	2024	2025
Tỷ suất lợi nhuận gộp	61,9%	56,1%	57,7%	56,1%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	53,4%	51,3%	54,7%	52,2%
Tỷ suất LNST của CĐ Công ty mẹ	25,3%	15,5%	31,5%	31,8%
ROE	11,2%	5,2%	11,1%	10,2%
ROA	4,4%	2,3%	5,4%	5,5%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	83	4	28	22
+ Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	119	192	245	307
+ Hàng tồn kho	0	0	0	0
+ Tài sản ngắn hạn khác	2	0	0	1
Tài sản ngắn hạn	203	197	273	330
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	10
+ Tài sản cố định	4.240	4.035	3.820	3.620
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	46	46	55	89
+ Đầu tư dài hạn	107	99	103	102
+ Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	4.394	4.180	3.978	3.820
Tổng Tài sản	4.597	4.377	4.251	4.150
+ Vay ngắn hạn	293	302	274	298
+ Nợ ngắn hạn khác	112	109	73	93
Nợ ngắn hạn	405	411	347	391
+ Vay dài hạn	1.884	1.858	1.599	1.268
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	393	125	125	125
Nợ dài hạn	2.276	1.984	1.725	1.393
Tổng nợ phải trả	2.681	2.395	2.072	1.784
+ Vốn cổ phần	1.575	1.701	1.701	1.786
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	341	281	478	580
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	1.915	1.982	2.179	2.365
Tổng cộng nguồn vốn	4.597	4.377	4.251	4.150

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	22,3%	-18,9%	12,0%	-0,8%
Tăng trưởng LNST	17,6%	-21,1%	21,7%	-4,5%
Tăng trưởng LNST	53,7%	-50,5%	128,2%	0,0%
Tăng trưởng VCSH	8,8%	3,5%	9,9%	8,6%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-3,3%	-4,8%	-2,9%	-2,4%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	9,9	19,1	10,8	10,2
P/B	0,8	0,7	1,0	0,80
EPS	968	419	1.158	1.044
BVPS	12.164	11.652	12.811	13.247

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG



BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỖI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây